TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS-ST
Ngày: 01/11/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Túc
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Quí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01/11/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 219/2018/TLST-DS ngày 06/6/2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (LienVietPostBank).

Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm D.

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T (theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017).

Bị đơn: Ông Phan Tấn D, sinh năm 1985 và bà Đoàn Thị Phương Đ, sinh năm 1988.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Phan Thục U, sinh ngày 24/6/2011 và cháu Phan Duy N, sinh ngày 17/8/2013 là các con của ông Di, Đoàn Thị Phương Đ.

Người giám hộ cho cháu Phan Thục U và cháu Phan Duy N là ông Phan Tấn D, Đoàn Thị Phương Đ.

Cùng địa chỉ: Thôn Phổ An, xã Nghĩa An, thành phố Q, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2018, bản trình bày 14/5/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2017 ông Phan Tấn D và bà Đoàn Thị Phương Đ có ký hợp đồng tín dụng số 184/2016/HĐTD-DQ ngày 29/6/2016 với Ngân hàng TMCP B– Chi nhánh Q vay với số tiền 270.000.000 đồng; Mục đích vay là: kinh doanh thủy hải sản, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay (từ ngày 04/01/2017 đến ngày 04/7/2017), kỳ hạn trả gốc: Gốc trả vào cuối kỳ, ngày trả nợ gốc là ngày 04/7/2017, kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng, ngày trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, lãi suất cho vay trong hạn hiện tại: 9,85%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 04/07/2017)

Để đảm bảo khoản vay, ông Phan Tấn D, bà Đoàn Thị Phương Đ đã thế chấptài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa An theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113/2015//HĐTC - DQ ngày 16/6/2015.

Quá trình vay ông Di, bà Đoàn Thị Phương Đ đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhiều lần Ngân hàng đã mời làm việc, gửi giấy thông báo thu hồi nợ cho ông Di, Đoàn Thị Phương Đ để đề nghị thanh toán khoản nợ vay của ông, bà. Tuy nhiên, ông Di, Đoàn Thị Phương Đ vẫn không thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 31/10/2018 ông Phan Tấn D và Đoàn Thị Phương Đ còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tổng số tiền 320.978.825 đồng. Trong đó: nợ gốc 264.550.000 đồng, nợ lãi: 56.428.825 đồng (lãi trong hạn: 3.624.206 đồng, lãi quá hạn: 52.804.619 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Di, bà Đoàn Thị Phương Đ phải trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng.

Nếu ông Di, Đoàn Thị Phương Đ không trả nợ cho Ngân hàng TMCP Bthì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản là căn nhà gắn liền trên đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa An, thành phố Q theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113/2015//HĐTC-DQ ngày 16/6/2015 để thu hồi nợ cho ngân hàng. Trường hợp xử lý tài thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ thì ông Phan Tấn D, Đoàn Thị Phương Đ phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2018, biên bản hòa giải ngày 11/7/2018 bên bị đơn Đoàn Thị Phương Đ trình bày:

Vào ngày 29/6/2016 vợ chồng Đoàn Thị Phương Đ, ông Di có vay của Ngân hàng TMCP B số tiền 270.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh thủy hải sản, nhưng vợ chồng Đoàn Thị Phương Đ không có đăng ký kinh doanh. Quá trình sử dụng vốn của Ngân hàng vào việc kinh doanh không có hiệu quả nên không thể trả nợ cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng được, nên vợ chồng Đoàn Thị Phương Đ, ông Di đã nợ quá hạn.

Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt khởi kiện yêu cầu vợ chồng Đoàn Thị Phương Đ, ông Di phải trả nợ tổng số 308.709.767 đồng. Trong đó: nợ gốc 264.550.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.624.206 đồng, lãi quá hạn: 40.535.561 đồng tính đến ngày 11/7/2018. Vợ chồng Đoàn Thị Phương Đ, ông Di thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, và yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện để cho vợ chồng Đoàn Thị Phương Đôntg, ông Di trả dần khoản nợ trên cho Ngân hàng mỗi tháng 5.000.000 đồng tiền gốc cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Phan Tấn D vắng mặt tại phiên tòa:

Quá trình tố tụng ông Phan Tấn D đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa vào ngày 16/10/2018 và phiên tòa ngày 01/11/2018 nhưng ông Di vắng mặt. Tại Bản tự khai ngày 26/06/2018, ông Phan Tấn D có ý kiến vì ông làm nghề biển thường xuyên vắng mặt không thể đến Tòa án trong tất cả các buổi làm việc, các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa xét xử của Tòa án nên ông Di ủy quyền cho vợ ông là Đoàn Thị Phương Đ toàn quyền quyết định trong việc giải quyết vụ án, ý kiến của Đoàn Thị Phương Đ cũng như là ý kiến của ông Di, ông Di không có khiếu nại, thắc mắc gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, thẩm vấn và tranh luận khách quan. Điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Phan Tấn D có bản khai ngày 26/6/2018 xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt yêu cầu ông Di, Đoàn Thị Phương Đ có địa chỉ tại: Thôn Phổ An, xã Nghĩa An, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N phải trả tổng số tiền gốc và lãi là 320.978.825 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 184/2016/HĐTD –DQ ngày 29/6/2016 và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N xác định quan hệ tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy

định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn Đoàn Thị Phương Đ, ông Di để tham gia phiên tòa vào các ngày 16/10/2018 và 01/11/2018, nhưng Đoàn Thị Phương Đ, ông Di vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu ông Phan Tấn D và Đoàn Thị Phương Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/10/2018 là 320.978.825 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/11/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản cho Ngân hàng, trường hợp ông Di, Đoàn Thị Phương Đ không trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa An, THÀNH PHỐ Q theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113/2015/HĐTC-DQ ngày 16/6/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[2.2] Xét giao dịch dân sự giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Di, Đoàn Thị Phương Đ được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp. Ông Di, Đoàn Thị Phương Đ đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Di, Đoàn Thị Phương Đ chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 5.450.000 đồng. Khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi nhưng bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Tại Bản tự khai ngày 26/06/2018, ông Phan Tấn D có ý kiến vì ông làm nghề biển thường xuyên vắng mặt không thể đến Tòa án trong tất cả các buổi làm việc, các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa xét xử của Tòa án nên ông Di ủy quyền cho vợ ông là Đoàn Thị Phương Đ toàn quyền quyết định trong việc giải quyết vụ án, ý kiến của Đoàn Thị Phương Đ cũng như là ý kiến của ông Di, ông Di không có khiếu nại, thắc mắc gì và không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày đại diện của nguyên đơn cho thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Di, Đoàn Thị Phương Đ là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận đều này được bên bị đơn Đoàn Thị Phương Đ thừa nhận. Căn cứ với các quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử xét thấy khi vay vốn để đảm bảo khoản tiền vay, nguyên đơn, bị đơn đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp số 113/2015/HĐTC –DQ ngày 16/6/2015, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thôn Phổ An, xã Nghĩa An, thành phố Q, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BH 341197, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02111 do UBND huyện Tư Nghĩa, tỉnh N cấp ngày 20/12/2011 (Đã được chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Phan Tấn D và Đoàn Thị Phương Đ do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố Q xác nhận

ngày 22/5/2015 và tài sản gắn liền với diện tích đất nêu trên là căn nhà cấp 4 tại thửa đất số: 514, tờ bản đồ số 3 xã Nghĩa An do ông Phan Tấn D và Đoàn Thị Phương Đ đang quản lý, sử dụng. Hợp đồng thế chấp trên tuân thủ theo quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005, có công chứng hợp pháp và được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, nội dung hợp đồng là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, theo đó các bên thỏa thuận trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền, thì bên vay có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại các Điều 343, 355 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ ông Di, Đoàn Thị Phương Đ cùng hai con của ông Di, Đoàn Thị Phương Đ là cháu Phan Thục U và cháu Phan Duy N không có còn sinh sống tại nhà và đất đang thế chấp, nay sống ở đâu địa phương không rõ.

[2.4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 2.500.000 đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần B tự nguyện chịu, đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

[2.5] Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Phan Tấn D, Đoàn Thị Phương Đ phải chịu: 320.978.825 x 5% = 16.048.941 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 7.560.309 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003348 ngày 06/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự THÀNH PHỐ Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 147, Điều 227 khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 343, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 184/2016/HĐTD –DQ ngày 29/6/2016 với ông Phan Tấn D và Đoàn Thị Phương Đ.

2.Buộc ông Phan Tấn D và Đoàn Thị Phương Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số nợ tiền gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 31/10/2018 là 320.978.825 đồng. Trong đó: nợ gốc 264.550.000 đồng, lãi trong hạn: 3.624.206 đồng, lãi quá hạn: 52.804.619 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 01/11/2018, ông Phan Tấn D và bà Đoàn Thị Phương Đ còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa

thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 184/2016/HĐTD–DQ ngày 29/6/2016 các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3.Trường hợp ông Phan Tấn D, bà Đoàn Thị Phương Đ không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 113/2015/HĐTC–DQ ngày 16/6/2015, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thôn Phổ An, xã Nghĩa An, thành phố Q, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BH 341197, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02111 do UBND huyện T, tỉnh N cấp ngày 20/12/2011 (Đã được chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Phan Tấn D và Đoàn Thị Phương Đ do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Quảng Ngãi xác nhận ngày 22/5/2015 và tài sản gắn liền trên đất nêu trên là căn nhà tại thửa đất số: 514, tờ bản đồ số 3 do ông Phan Tấn D và Đoàn Thị Phương Đ đang quản lý, sử dụng.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng TMCP Bthì ông Di, Đoàn Thị Phương Đ phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 2.500.000 đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần B tự nguyện chịu, đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Tấn D, Đoàn Thị Phương Đ phải nộp 16.048.941 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 7.560.309 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003348 ngày 06/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Túc

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND thành phố Q;*
- *Chi cục THADS TP.Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*